

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG - NÔNG NGHIỆP

QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP
NGÀNH/ NGHỀ: CHĂN NUÔI – THÚ Y
MÃ NGÀNH/ NGHỀ: 5620120

Ngày ban hành:

Ngày cập nhật bổ sung: 16/4/2025

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

*(Kèm theo Quyết định số: 1010 /QĐ-CĐCNN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình)*

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP NGÀNH/NGHỀ: CHĂN NUÔI - THÚ Y MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5620102

1. Giới thiệu chung về ngành/nghề (mô tả nghề)

Chăn nuôi Thú y trình độ trung cấp là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc gia cầm và tham gia, phòng trị bệnh, hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề chăn nuôi thú y có khả năng lập kế hoạch đàn gia súc, gia cầm, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật về thú y; sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y; xây dựng, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh thuốc thú y, bệnh xá thú y, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chăn nuôi - thú y; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến chăn nuôi thú y.

Khối lượng kiến thức đạt được: 1.455 giờ (tương đương 64 tín chỉ).

2. Yêu cầu chung của ngành/nghề

a) Yêu cầu về kiến thức

+ Người học hiểu và nắm bắt được kiến thức cơ bản về các lĩnh vực về chăn nuôi và thú y, có khả năng sử dụng thiết bị máy phục vụ ở lĩnh vực chăn nuôi, thú y và kỹ năng thực hành các quy trình nhân giống, chăm sóc, phòng và chữa bệnh dịch cho gia súc, gia cầm, biết thực hiện công tác quản lý ở trình độ trung cấp.

+ Nhận diện, phân tích và thực hiện được các kỹ năng chăm sóc, phòng và chữa bệnh dịch cho gia súc, gia cầm và các biện pháp chống dịch bệnh....

b) Yêu cầu về kỹ năng

+ Người học có kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến chăn nuôi và thú y, về đặc tính sinh hóa của tế bào, tổ chức cơ thể của động vật có xương sống; kiến thức về cấu tạo - chức năng của cơ quan sinh dục; quá trình thành thực sinh dục và sự mang thai của gia súc; các phương pháp chẩn đoán lâm sàng có thai, quá trình sinh đẻ bình thường và đẻ khó; các bệnh sinh sản xảy ra trước, trong và sau sinh,...

+ Thực hiện được hoạt động được các nguyên tắc cầm máu, khử trùng và chống nhiễm trùng, mổ và may vết thương, các bệnh xảy ra ở cơ quan nội tạng và bệnh ký sinh trùng thường gặp xảy ra trên động vật nuôi....

+ Hình thành các kỹ năng khác có liên quan như kỹ năng phân tích, so sánh, thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, thương lượng, kỹ năng làm việc nhóm.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có thái độ tích cực và tận tụy trong công việc;

+ Có tinh thần kỷ luật và đoàn kết, sẵn sàng đảm nhận các công tác được giao, tham gia tích cực trong việc tuyên truyền pháp luật, an toàn lao động, vệ sinh công cộng góp phần ổn định trật tự pháp luật trong đời sống xã hội tại địa phương, đơn vị đang công tác và sinh sống.

+ Yêu nghề, biết chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp.

+ Năng động, sáng tạo trong công việc

3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
I	Năng lực cơ bản (chung)		
1	NLCB - 01	Chính trị	30 giờ, 2 tín chỉ
2	NLCB - 02	Pháp luật	15 giờ, 1 tín chỉ
3	NLCB - 03	Giáo dục thể chất	30 giờ, 1 tín chỉ
4	NLCB - 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45 giờ, 2 tín chỉ
5	NLCB - 05	Tin học	30 giờ, 1 tín chỉ
6	NLCB - 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60 giờ, 3 tín chỉ
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)		
7	NLCL - 01	Giải phẫu và sinh lý vật nuôi	90 giờ, 4 tín chỉ
8	NLCL - 02	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	75 giờ, 3 tín chỉ
9	NLCL - 03	Giống và kỹ thuật truyền giống	90 giờ, 4 tín chỉ
10	NLCL - 04	Dược lý thú y	90 giờ, 4 tín chỉ
11	NLCL - 05	Luật thú y	15 giờ, 1 tín chỉ
III	Năng lực nâng cao		
12	NLNC - 01	Chẩn đoán và điều trị học thú y	60 giờ, 3 tín chỉ
13	NLNC - 02	Phòng trị các bệnh chung cho nhiều loài vật nuôi	45 giờ, 2 tín chỉ
14	NLNC - 03	Sản khoa thú y	45 giờ, 2 tín chỉ
15	NLNC - 04	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	90 giờ, 4 tín chỉ
16	NLNC - 05	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	90 giờ, 4 tín chỉ

17	NLNC – 06	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	90 giờ, 4 tín chỉ
18	NLNC – 07	Kiểm tra thịt và các sản phẩm	45 giờ, 2 tín chỉ
19	NLNC – 08	Phương pháp thí nghiệm	45 giờ; 2 tín chỉ
20	NLNC – 09	Thực tập nghề	225 giờ, 5 tín chỉ
21	NLNC – 10	Thực tập cuối khóa	270 giờ, 6 tín chỉ
22	NLNC – 11	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho cút, ngan, ngỗng	45 giờ, 2 tín chỉ
23	NLNC - 12	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, cừu, thỏ	45 giờ, 2 tín chỉ
24	NLNC – 13	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	45 giờ, 2 tín chỉ
25	NLNC – 14	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thú hoang dã	45 giờ, 2 tín chỉ
26	NLNC – 15	Trồng trọt đại cương	45 giờ, 2 tín chỉ
IV	Năng lực nâng cao tự chọn		
27	NLNC-01	Sử dụng thành thạo các công cụ số phục vụ học tập và công việc; khai thác dữ liệu, thông tin trực tuyến một cách an toàn và hiệu quả. Ứng dụng công nghệ số trong xử lý công việc kỹ thuật, giao tiếp, và quản lý hồ sơ.	75 giờ, 3 TC
28	NLNC-02	Kỹ năng cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.	45 giờ, 2 TC

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ): 1.455 giờ; 64 tín chỉ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP
NGÀNH/NGHỀ: CHĂN NUÔI - THÚ Y**

1. Tên năng lực: Giáo dục chính trị

Mã: NLCB-01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC

1.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

1.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tên năng lực: Pháp luật

Mã: NLCB-02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 15 giờ, 1 TC

2.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

3. Tên năng lực: Giáo dục thể chất

Mã: NLCB-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

3.1. Yêu cầu về kiến thức:

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

3.2. Yêu cầu kỹ năng:

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác

4. Tên năng lực: Giáo dục quốc phòng và An ninh

Mã: NLCB-04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC

4.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

4.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5. Tên năng lực: Tin học

Mã: NLCB-05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC

5.1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

5.2. Về kỹ năng

Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;

Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;

Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;

Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

5.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

6. Tên năng lực: Tiếng Anh

Mã: NLCB-06

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4TC

6.1. Yêu cầu kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

6.2. Yêu cầu kỹ năng

Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng nói: Đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

6.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

7. Tên năng lực: Giải phẫu và sinh lý vật nuôi

Mã: NLCL - 01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 tín chỉ

7.1. Yêu cầu kiến thức:

Mô tả được giải phẫu và chức năng sinh lý của từng tổ chức, từng cơ quan, từng hệ thống trong cơ thể ở điều kiện sống bình thường (cơ thể và môi trường có mối quan hệ thống nhất)

7.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được vị trí, hình dạng, cấu tạo của các tổ chức, cơ quan và bộ máy trong cơ thể vật nuôi (trường hợp cơ thể vật nuôi hoàn toàn khỏe mạnh) để làm cơ sở phân biệt khi có quá trình bệnh lý xảy ra.

7.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tính tỉ mỉ, chính xác khi phân tích, so sánh cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể vật nuôi trong hợp khoẻ mạnh và khi bị bệnh lý. Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tế chăn nuôi và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

8. Tên năng lực: Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Mã: NLCL - 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 3 tín chỉ)

8.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được nội dung về vai trò, tác dụng của các chất dinh dưỡng, nước và các loại thức ăn chăn nuôi; các loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi; thức ăn bổ sung và thức ăn hỗn hợp; chế biến thức ăn cho vật nuôi; lập khẩu phần thức ăn.

8.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân tích được vai trò sinh học các dưỡng chất có trong thức ăn. Nhận biết được các giá trị dinh dưỡng của các loại thực liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Thực hiện được việc chế biến, phối trộn thức ăn cho các loại gia súc, gia cầm. Thực hiện được lập khẩu phần thức ăn cho gia súc, gia cầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

8.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện được phân tích vai trò sinh học các dưỡng chất có trong thức ăn, nhận biết các giá trị dinh dưỡng của các loại thực liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm; Thực hiện việc chế biến, phối trộn thức ăn cho các loại gia súc, gia cầm; Thực hiện lập khẩu phần thức ăn cho gia súc, gia cầm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Có ý thức tự học, hăng say xây dựng bài, nâng cao tinh thần hoạt động nhóm.

9. Tên năng lực: Giống và kỹ thuật truyền giống

Mã: NLCL - 03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (90 giờ, 4 tín chỉ)

9.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm các giống vật nuôi; Các chỉ tiêu đánh giá sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi; Các phương pháp đánh giá ngoại hình và thể chất của vật nuôi; Các phương pháp lai tạo và nhân giống vật nuôi.

Trình bày được tính chất sinh lý của tinh dịch, tinh trùng; Kỹ thuật huấn luyện, khai thác, pha loãng và bảo quản tinh gia súc, gia cầm

9.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được đặc điểm các giống vật nuôi; Đánh giá được sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi; Đánh giá được ngoại hình và thể chất của vật nuôi.

Khai thác được tinh dịch gia súc, gia cầm bằng tay và âm đạo giả đúng yêu cầu kỹ thuật. Pha loãng, bảo quản tinh dịch đảm bảo được tỷ lệ sống và khả năng thụ tinh nhân tạo; Thực hiện kỹ thuật và thụ tinh nhân tạo đạt được tỉ lệ thụ thai cao

9.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức trong học tập, hăng say xây dựng bài, phát huy tinh thần hoạt động nhóm, đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thực hiện.

10. Tên năng lực: Dược lý thú y**Mã: NLCL - 04****Khối lượng kiến thức tối thiểu (90 giờ, 4 tín chỉ)****10.1. Yêu cầu kiến thức:**

Trình bày được các nội dung cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, tác dụng, sự hấp thu, yếu tố ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể gia súc và đường thải trừ thuốc, tính chất, tác dụng, công dụng, cách sử dụng các loại thuốc thú y.

10.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được các dạng thuốc, tính chất, tác dụng, công dụng và cách sử dụng các loại thuốc thú y. Sử dụng được đơn thuốc và các loại thuốc để điều trị bệnh gia súc đạt hiệu quả cao.

10.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Cẩn thận, an toàn cho gia súc và vệ sinh an toàn thực phẩm.

11. Tên năng lực: Luật thú y**Mã: NLCL - 05****Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 15 giờ; 1 tín chỉ****11.1. Yêu cầu kiến thức:**

Trình bày được các quy định của Nhà nước về: Phòng chống dịch bệnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc (sản xuất, kinh doanh).

11.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng kiến thức pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao trong hoạt động thú y.

11.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Xác định nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Nghiêm túc, tích cực trong học tập. Hăng hái phát biểu, thảo luận trong các tình huống về vận dụng kiến thức pháp luật hiện hành để xử lý các vi phạm lĩnh vực Thú y.

12. Tên năng lực: Chẩn đoán và điều trị học thú y**Mã: NLNC - 01****Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ****12.1. Yêu cầu kiến thức:**

Nhận biết được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và trình tự chẩn đoán học thú y

12.2. Yêu cầu kỹ năng:

Khám, chẩn đoán và điều trị được bệnh học thú y

12.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, mạnh dạn và chính xác, an toàn khi chẩn đoán và điều trị bệnh.

13. Tên năng lực: Phòng, trị các bệnh chung cho nhiều loại vật nuôi.**Mã: NLNC - 02**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

13.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có thể lây truyền cho người

13.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chẩn đoán được các bệnh chung thường xảy ra cho vật nuôi và cả người; Đề ra và thực hiện được biện pháp hữu hiệu để dập tắt bệnh.

13.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng khi can thiệp các bệnh nguy hiểm.

14. Tên năng lực: Sản khoa thú y

Mã: NLNC - 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

14.1. Yêu cầu kiến thức:

Mô tả được những nội dung cơ bản về sinh lý sinh sản gia súc, nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh sản khoa thường gặp ở gia súc. Xác định được bệnh sản khoa ở vật nuôi, nhằm chủ động phòng, trị bệnh đạt hiệu quả cao.

14.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được những thao tác cơ bản trong điều trị bệnh sản khoa bằng phương pháp phẫu thuật.

14.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Cẩn thận, an toàn cho người và gia súc, bảo đảm vệ sinh môi trường. Nghiêm túc, có trách nhiệm với mô đun. Chủ động trong quá trình học. Chuẩn bị các nội dung theo đề cương của học phần và theo yêu cầu của giảng viên.

15. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn

Mã: NLNC - 03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 tín chỉ

15.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được nội dung về nguồn gốc, đặc điểm sinh học, nhu cầu dinh dưỡng và kỹ thuật chăn nuôi các loại lợn

15.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được việc tổ chức chăn nuôi các loại lợn đúng quy trình kỹ thuật và hiệu quả.

15.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nghiêm túc, trung thực, an toàn và bảo đảm vệ sinh môi trường.

16. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt

Mã: NLNC - 04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 tín chỉ

16.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức về loại hình nuôi; chuồng trại; dinh dưỡng và thức ăn; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho gà, vịt.

16.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn loại hình nuôi; xây dựng chuồng trại; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho gà vịt.

16.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng hình thành tác phong công nghiệp

17. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò

Mã: NLNC - 05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 tín chỉ

17.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được nội dung về nguồn gốc, đặc điểm sinh học, nhu cầu dinh dưỡng và kỹ thuật chăn nuôi các loại trâu, bò.

17.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được việc tổ chức chăn nuôi các loại trâu, bò đúng quy trình kỹ thuật và hiệu quả

17.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nghiêm túc, trung thực, an toàn và bảo đảm vệ sinh môi trường.

18. Tên năng lực: Kiểm tra sản phẩm động vật

Mã: NLNC - 06

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 tín chỉ

18.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được vị trí và điều kiện thích hợp để xây dựng một lò mổ. Nêu được quy trình giết mổ gia súc. Trình bày được cách kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra lâm sàng đối với gia súc trước khi đưa vào giết mổ. Trình bày được cách kiểm tra thịt gia súc sau giết mổ; cách trình bày thịt để khám. Nêu được quy định vị trí đóng dấu trên thân thịt. Trình bày được các giai đoạn chuyển biến của thịt sau giết mổ. Nêu được các biện pháp bảo quản thịt. Trình bày được nguyên nhân và cách xử lý các trường hợp thịt không đạt vệ sinh thú y.

18.2. Yêu cầu kỹ năng:

Kiểm tra được giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra lâm sàng đối với gia súc trước khi đưa vào giết mổ. Nhận biết được các giai đoạn chuyển biến của thịt sau giết mổ. Bảo quản được thịt bằng các phương pháp. Phân biệt được thịt gia súc bình thường với gia súc bệnh. Xử lý được những trường hợp thịt, phủ tạng không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thực phẩm.

18.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, an toàn, vệ sinh; Tuân thủ đúng Luật Thú y trong việc đánh giá, phân loại phẩm chất của thân thịt, phủ tạng.

19. Tên năng lực: Phương pháp thí nghiệm

Mã: NLNC - 07

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

19.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết cách bố trí thí nghiệm và ý nghĩa của kết quả thí nghiệm.

19.2. Yêu cầu kỹ năng:

Bố trí được thí nghiệm trong việc nghiên cứu một vấn đề nào đó. Thu thập số liệu, phân tích và viết báo cáo kết quả đạt được.

19.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, chính xác trong việc thu thập và xử lý số liệu.

20. Tên năng lực: Thực tập nghề

Mã: NLNC - 08

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 225 giờ, 5 tín chỉ

20.1. Yêu cầu kiến thức:

Hiểu rõ cách phân tích dữ liệu dịch tễ để biết được tình hình dịch bệnh tại đại phương. Trình bày tốt cách tiêm phòng và chẩn đoán, điều trị các bệnh gia súc, gia cầm. Hiểu rõ về cách chăm sóc, nuôi dưỡng, và một số kỹ thuật khác tại trại chăn nuôi. Tổng hợp lại các kiến thức, kinh nghiệm có được trong chuyến đi thực tế.

20.2. Yêu cầu kỹ năng:

Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong thời gian thực tập; Phân tích được tình hình dịch bệnh tại đại phương. Thành thạo thao tác tiêm phòng và điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm. Ứng dụng kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc, gia cầm vào thực tiễn. Trình bày, phân tích, tổng hợp những dữ liệu, kiến thức đã trải nghiệm; Viết báo cáo.

20.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tự tin, có trách nhiệm với công việc, có khả năng tự học, có khả năng phân tích.

21. Tên năng lực: Thực tập cuối khóa

Mã: NLNC - 09

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 270 giờ, 6 tín chỉ

21.1. Yêu cầu kiến thức:

Thu thập thông tin và đánh giá được tình hình chăn nuôi tại địa phương, cơ quan đơn vị thực tập. Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi thú y mang lại hiệu quả kinh tế nhất định.

21.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được công việc phòng trị dịch bệnh thông thường trên đàn gia súc, gia cầm một cách độc lập. Thực hiện được một thí nghiệm hay một chuyên đề khảo sát về lĩnh vực thú y tại địa phương hoặc đơn vị sản xuất, kinh doanh.

21.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự lập, thực hiện được công việc phòng trị dịch bệnh gia súc, gia cầm một cách độc lập.

22. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho cút, ngan, ngỗng

Mã: NLNC - 10

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

22.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm sinh học; chuồng trại; dinh dưỡng và thức ăn; chăm sóc nuôi dưỡng; phòng và trị bệnh cho cút; ngan; ngỗng.

22.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thiết kế và xây dựng được chuồng trại nuôi cút, ngan, ngỗng; Chăm sóc nuôi dưỡng, phòng và trị được bệnh cho cút, ngan, ngỗng.

22.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng hình thành tác phong công nghiệp.

23. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, cừu, thỏ

Mã: NLNC - 11

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

23.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quy trình chăn nuôi các loại dê, cừu, thỏ và các biện pháp phòng, trị dịch bệnh thường gặp ở dê, cừu, thỏ.

23.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thực hiện được công việc chọn được con giống phù hợp với điều kiện chăn nuôi; Thiết kế, xây dựng được một trang trại chăn nuôi dê, cừu, thỏ đạt yêu cầu kỹ thuật; Thực hiện được các biện pháp trồng, bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi dê cừu, thỏ; Quy trình chăn nuôi để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất đồng thời phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở nước ta. Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích và các biện pháp chẩn đoán các bệnh thường gặp trên dê, cừu, thỏ. Thực hiện được công việc phòng, trị bệnh thường gặp trên dê, cừu, thỏ.

23.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi.

24. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo

Mã: NLNC – 12

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

24.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng các loại chó, mèo; Phương pháp phòng, trị một số bệnh xảy ra ở chó mèo.

24.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn giống chó, mèo nuôi phù hợp, hiệu quả. Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của từng loại chó mèo nuôi. Lựa chọn, chế biến thức ăn nuôi chó mèo phù hợp, hiệu quả. Áp dụng tốt quy trình chăm sóc nuôi dưỡng cho chó, mèo nuôi phù hợp; Lựa chọn được chuồng nuôi phù hợp từng loại chó mèo nuôi. Chẩn đoán, phân biệt chính xác bệnh truyền nhiễm ở chó, mèo; Phòng bệnh, điều trị bệnh hiệu quả.

24.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc và bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi.

25. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thú hoang dã

Mã: NLNC - 13

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

25.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết được đặc điểm sinh học của một số động vật hoang dã. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phương pháp phòng trị bệnh cho một số động vật hoang dã.

25.2. Yêu cầu kỹ năng:

Chọn được các động vật hoang dã phù hợp để nuôi tại hộ gia đình ở qui mô vừa hoặc nhỏ. Nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh được cho động vật hoang dã tại các hộ gia đình.

26.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng với động vật hoang, đảm bảo vệ sinh môi trường.

27. Tên năng lực: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo

Mã: NLNC - 14

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

27.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm sinh học của chó, mèo và ứng dụng chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp

27.2. Yêu cầu kỹ năng:

Lựa chọn mô hình nuôi chó mèo phù hợp, hiệu quả..

27.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, an toàn

28. Tên năng lực: Trồng trọt đại cương

Mã: NLNC - 15

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 tín chỉ

28.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được những kiến thức về hoạt động sinh lý và các điều kiện sống của cây trồng. Mô tả được hệ thống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp. Giải thích được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng, kỹ thuật chăm sóc một số loại cây trong nông nghiệp phục vụ công tác chăn nuôi.

28.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được các hoạt động sinh lý của của cây trồng vào sản xuất nông nghiệp. Bố trí được các hệ thống canh tác trong sản xuất. Trồng và chăm sóc được một số loại cây trồng chủ yếu.

28.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có đầy đủ năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến các điều kiện trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Có khả năng tự định hướng phát

triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc, tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

29. Tên năng lực: Năng lực số

Mã: NLTC 01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 75 giờ, 3 TC

29.1. yêu cầu về kiến thức

- Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về internet, thiết bị số, phần mềm, nền tảng, tạo nội dung, làm việc và khai thác ứng dụng trong môi trường số;
- Hiểu biết về an ninh, an toàn và văn hóa ứng xử khi tham gia môi trường số.

29.2. yêu cầu về Kỹ năng

- Sử dụng được máy vi tính và các thiết bị số, khai thác phần mềm ứng dụng trên các thiết bị số đáp ứng yêu cầu trong học tập và công việc an toàn trên môi trường số;

- Ứng dụng và khai thác các nền tảng trực tuyến, phần mềm soạn thảo, bảng tính, trình chiếu, tạo hình ảnh, âm thanh, video để vận dụng trong học tập, công việc sau này;

- Chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin số trong học tập và làm việc; vận dụng trong thực hiện các dịch vụ công và thương mại điện tử;

- Áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mỗi nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội; an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về văn hóa, an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính, thiết bị số và ứng dụng công nghệ thông tin.

29.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính, thiết bị số và công nghệ thông tin, truyền thông trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu của cá nhân, tổ chức và bên thứ ba trên môi trường số;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc ứng dụng năng lực số cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

30. Tên năng lực: Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả

Mã năng lực: NLTC 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC

30.1. yêu cầu về kiến thức

Trình bày được khái niệm, phân loại và đánh giá được tác động đến môi trường của việc khai thác, sử dụng năng lượng và tài nguyên.

Nhận biết, phân loại được các loại chất thải, chất độc hại và giải thích tác động của chúng đến môi trường,

30.2. yêu cầu về Kỹ năng

Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải tại nơi làm việc.

Sử dụng và lưu trữ chất độc hại đảm bảo đúng quy định Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả trong các lĩnh vực liên quan.

30.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.

Tuyên truyền về các hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.